

PHẢN ỨNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: LÝ THUYẾT VÀ THỰC TẾ

TS. Mukesh Kumar Verma (*)
Sư cô Như Nguyệt dịch

Tính bền vững và sự phát triển bền vững là những giá trị chung và những lựa chọn có liên quan. Sự phát triển bền vững đã được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, nhưng định nghĩa thường được trích dẫn nhiều nhất là từ tương lai chung của chúng ta, cũng được biết đến như Báo cáo Brundtland (Brundtland Report):¹

“Sự phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không phải thỏa hiệp với khả năng của các thế hệ tương lai tự đáp ứng nhu cầu của chúng. Nó bao gồm trong đó hai khái niệm cơ bản: khái niệm về nhu cầu, đặc biệt nhu cầu thiết yếu của tầng lớp nghèo trên thế giới, với tầng lớp mà cần được dành cho sự ưu tiên quan trọng hơn cả; và ý tưởng về những giới hạn bị áp đặt bởi tình trạng của công nghệ và tổ chức xã hội đối với khả năng của môi trường trong việc đáp ứng những nhu cầu hiện tại và tương lai.”

(*) Giảng viên (Faculty Associate); Trường Nghiên cứu Phật giáo và Văn minh, Gautam Buddha University, Greater Noida U.P.; Email: mkverma_2008@yahoo. co. In

1. World Commission on Environment and Development (WCED), *Tương lai Chung của Chúng ta (Our Common Future)*, P.43, Oxford: Oxford university Press, 1987,

Khái niệm về sự phát triển bền vững có thể được giải thích theo nhiều cách, nhưng về cơ bản đó là một hướng tiếp cận đối với sự phát triển trong đó hướng tới việc cân bằng những nhu cầu khác biệt, và thường là cạnh tranh với nhau, trước nhận thức về những giới hạn của môi trường, xã hội và kinh tế của một xã hội. Có thể biện luận rằng sự phát triển bền vững liên quan mạnh mẽ với một nghĩa vụ đạo đức mà rõ ràng không ai có thể phớt lờ hoặc phản đối mà phải đưa ra một lý do phù hợp cho việc bất đồng, chấp thuận, giải thích và thực thi điều này. Phật giáo đề xuất nhiệm vụ tương tự giữa con người và sự phát triển. Ý tưởng về thập nhị nhân duyên nói lên quan điểm về sự phát triển bền vững. Sự phát triển bền vững là một quá trình đòi hỏi việc sử dụng những nguồn sẵn có mà không ảnh hưởng đến thế hệ tương lai. Nó đòi hỏi việc hình dung thế giới như là một hệ thống kết nối không gian và thời gian. *Pratityasamutpada* hay thập nhị nhân duyên trong đó xem mọi sự vật và hiện tượng như là phụ thuộc lẫn nhau và xuất phát từ nhiều nguyên nhân và điều kiện rõ ràng là nhất quán với sự phát triển bền vững. Nó xem xét môi trường như là bao gồm nhiều chiều kích và khía cạnh phụ thuộc lẫn nhau và gắn kết trong một quan hệ nhân quả phức tạp. Những phẩm chất, giới luật và nguyên lý của Phật giáo là nền tảng để phát triển hòa bình, hạnh phúc, sự hòa hợp, trí tuệ, sự quan tâm, chia sẻ và sự bình đẳng kinh tế - xã hội trong xã hội. Đứng từ góc độ này, ta thấy mối liên hệ bền chắc giữa các phương diện của tâm linh và sự phát triển kinh tế xã hội, điều có nghĩa là chúng cùng tồn tại và song hành với nhau. Những trụ cột của việc thiết lập sự phát triển và bình đẳng kinh tế - xã hội được giải thích trong nhiều bản kinh Phật. Nó chứng tỏ rằng sự ham muốn là khởi nguồn của mọi đau khổ và đấu tranh. Đức Phật giải thích những cách để kiếm và chia sẻ sự giàu có một cách đức hạnh và theo đuổi con đường của tâm linh để thiết lập hòa bình, hòa hợp, bình đẳng trong xã hội. *Nikāyas* tuyên bố rõ rệt rằng sự nghèo khó là nguyên nhân của sự vô đạo đức và những tội ác như trộm cắp, dối trá, bạo lực, thù hận, sự tàn ác v.v. Phật giáo phản đối sự quyền uy tham đắm với những thứ không thể thỏa mãn được. Theo Phật giáo, sự tiêu thụ không phải là mục tiêu cuối cùng của một xã hội. Nó phục vụ một mục đích khác nếu được nhìn nhận một cách thích đáng (mà không có sự ham muốn đối với chúng); nó cho phép sự đạt được trạng thái cao hơn của *Nirvana*. Việc quan sát kỹ lưỡng kế hoạch của Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hiệp

quốc (United Nation Economic and Social council) cho thấy rằng giáo lý của Đạo Phật có thể xây dựng một hình mẫu để thực hiện những mục tiêu tối thiểu và những khát vọng cho Chương trình Phát triển hậu 2015 do Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên Hiệp quốc đề ra.

Mối quan hệ qua lại giữa con người và tự nhiên ảnh hưởng đến thể chế xã hội và cũng tạo nên rất nhiều vấn đề xã hội. Khi những vấn đề này vượt quá tầm kiểm soát của con người, chính quyền buộc phải can thiệp, và điều này được minh họa rõ trong *Agganna Sutta*.² *Cakkavattisihanad Sutta* ³ và *Kutadanta Sutta* ⁴ cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải có chính sách của nhà nước về một hướng tiếp cận bền vững đối với cuộc sống. The *Mangala Sutta*⁵ và *Cakka Sutta* ⁶ chỉ ra cách một môi trường tốt có thể trở nên thuận lợi cho sự phát triển. The *Ratthapala Sutta* ⁷ thể hiện sự bất mãn dẫn tới xung đột và sự phá hủy và điều này được nói chi tiết hơn trong *Culadukkhakkhandha Sutta*.⁸ Tất cả những điều này chứng tỏ sự cần thiết cấp bách của một chính sách hiểu biết thích đáng về một thái độ tiến bộ và sự cùng tồn tại hài hòa. Sự coi thường và tàn phá nguồn tài nguyên một cách thiếu suy nghĩ là những vấn đề của thời hiện đại. Sự phát triển công nghiệp, những cuộc cách mạng công nghệ, quá trình đô thị hóa và trên hết là sự lan rộng của chủ nghĩa tiêu thụ là những nhân tố đóng góp cho những vấn đề này. Những điều này không tồn tại trong suốt kỷ nguyên trước Thiên chúa giáo và do đó không có đoạn nào trong *Tripitaka* đề cập tới những vấn đề này. Tuy nhiên, vì Phật giáo là tôn giáo quan tâm đến con người và thế giới mà anh ta sống nên nó thể hiện những ý tưởng nhất định về thái độ mà anh ta nên có đối với thiên nhiên.⁹ The *Dhammapada* ¹⁰ nói rằng những người sợ hãi tìm kiếm sự nương náu trong các lùm cây trong rừng và trên núi. Con người sợ tự nhiên vì anh ta không thể hiểu

2. *Digha Nikāya*. III,80

3. Ibid. III,61.

4. Ibid. I, 160-172

5. *Sutta Nipata*. V. 260.

6. *Anguttara Nikāya*. II,32.

7. *Majjhima Nikāya*. II. 54.

8. Ibid, I,91.

9. Lily de Silva, 'Thái độ của Phật giáo đối với tự nhiên' ('The Buddhist Attitudes Toward Nature'), P.9 in *Buddhist Perspective on Eco-crises*, Klas Sandel (ed.), Kandy: BPS, 1987.

10. *Dhammapada*, V. 183.

được tự nhiên. *Agganna Sutta* giải thích cách mà mọi thứ thể hiện ra một cách rõ rệt khi nguồn gốc của chúng được biết đến.¹¹ Nó thể hiện một cách sinh động mối quan hệ thiết yếu giữa con người, tự nhiên, môi trường, đạo đức, chính trị và kinh tế. Thông điệp mà kinh sách đưa ra là những hướng tiếp cận bền vững chỉ có thể được giải quyết bằng sự hiểu biết về thuyết Thập nhị Nhân duyên (Dependent Origination.) *Dhammapada*¹² nói rằng những người tưới tiêu dẫn nước, thợ mộc uốn cong khúc gỗ, còn kẻ trí tuệ tự kiểm soát bản thân. Điều này gợi ý rằng con người có thể sử dụng nguồn tài nguyên cho phù hợp với nhu cầu của anh ta. Dường như Phật giáo tán thành sự thích nghi như thế vì lợi ích của con người.¹³ Điều này chỉ có thể được thực hiện thành công khi con người hiểu đầy đủ cách thiên nhiên hoạt động. *The Accayika Sutta*¹⁴ *Khetta Sutta*¹⁵ và *Nidana Sutta*¹⁶ đều xuất hiện trong *Anguttara Nikāya* đưa ra những manh mối về cách mà con người có thể có được sự hiểu biết này. Cả *Sigalovada Sutta* và *Dhammapada* sử dụng sự ví von của một con ong hút mật từ hoa mà không làm hại chúng để giải thích cách mà một người, hiểu biết đúng đắn về sự vận hành của tự nhiên, có thể sử dụng chúng cho lợi ích của mình. Loài ong không những không gây hại cho hoa mà còn giúp cho quá trình thụ phấn. Lời khuyên răn của Đạo Phật là hãy sử dụng tài nguyên theo cách tương tự mà một con ong hút phấn từ hoa, không làm hỏng vẻ đẹp của hoa mà cũng không lấy đi mùi hương của nó. Cũng như con ong sản xuất mật từ phấn hoa, con người nên có khả năng tìm kiếm hạnh phúc và sự thỏa mãn trong cuộc sống mà không gây hại cho thế giới tự nhiên mà anh ta sống trong đó.¹⁷ Tài nguyên thiên nhiên không phải sự sáng tạo của thần thánh vì mục đích sử dụng của con người, và vì vậy, con người không nên cho rằng tự nhiên chỉ để phục vụ cho lợi ích của con người. Thay vì thế, con người nên chấp nhận quyền được sống của mọi sinh vật khác trên trái đất. Con người có cơ hội sống trên trái đất chỉ khi có sự hòa

11. *Digha Nikāy.* III, 80.

12. *Dhammapada.* V. 80.

13. Mahinada Palihawadana. ‘Con người trong tự nhiên và Con người trên tự nhiên’ (‘Man in Nature and Man above Nature’) P.34 In *Man Nature*, Colombo 1979.

14. *Anguttara Nikāya.* I. 339.

15. Ibid I. 229.

16. Ibid I. 134.

17. Lily de Silva. *op. cit.* P.28

hợp giữa con người, động vật và đời sống thực vật. *Metta Sutta* chuyển tải thông điệp này và *Bhuripanna Jataka*¹⁸ miêu tả việc đốn một cành cây mang lại bóng râm như là một hành động không thân thiện. Mọi người cũng cho rằng Đức Phật cũng thể hiện sự biết ơn đối với cây *bodhi* nơi Người đạt được sự giác ngộ. Có thể nói rằng tín đồ Phật giáo tự hào về tính nhạy cảm và cùng tồn tại với thiên nhiên.¹⁹ Con người cần hiểu rằng anh ta không phải là chúa tể của tự nhiên, bởi vì, cũng như tự nhiên, con người cũng là đối tượng của sự vô thường. Nói một cách đúng nhất, chẳng có cái gì anh ta có thể gọi là “Tôi” hay “Của Tôi”. Cả thân xác và trí óc của anh ta đều tồn tại có điều kiện (causally dependent.) Nó phụ thuộc vào những điều kiện rằng ý thức khởi lên (consciousness arises.) Điều quan trọng là con người nên nhận thức được rằng anh ta chỉ là một phần của tự nhiên. Sự nguy hiểm của việc không hiểu biết về thực tế này đã được giải thích rõ. Con người đã bị mê hoặc quá nhiều bởi sự tiến bộ về khoa học và công nghệ đến nỗi anh ta có niềm tin lầm lạc rằng anh ta hầu như đã hoàn toàn chinh phục được tự nhiên và có thể kiểm soát được nó. Anh ta cũng tin rằng với sự chinh phạt tự nhiên của anh ta, mọi vấn đề sẽ được giải quyết và thiên đàng sẽ được thiết lập trên trái đất. Nhưng anh ta không nhận thức được rằng tự nhiên mà anh ta nghĩ là anh ta đã chinh phục được không phải là toàn bộ tự nhiên, mà chỉ là một phần của nó, có thể là một nửa của nó, đó là thế giới vật chất bên ngoài. Nửa còn lại là bên trong chính anh ta, tự nhiên của con người hay con người như là một phần của tự nhiên. Trong quá trình đấu tranh để chinh phục thế giới vật chất của tự nhiên, con người thậm chí thường quên đi trách nhiệm làm chủ bản chất bên trong của chính mình và có xu hướng mất kiểm soát đối với nó. Ngược lại, bản chất bên trong này đã trở nên mạnh mẽ hơn và kiểm soát phần lớn anh ta.²⁰ Vì sự lầm tưởng về sự ưu việt của anh ta đối với tự nhiên, con người vô tình làm cho mình tự xa cách. Chỉ có con người mới có thể nhận thức được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

18. *Jātaka*, no. 452

19. Douglas M.P. *Khủng hoảng dân số và sự bảo tồn theo góc nhìn của Phật giáo* (The *Population Crises and Conservation in Buddhist Perspectives*), P. 17, Kandy: BPS, 1977

20. Phra Rajavaramuni, ‘Sự tự do, Cá nhân và Xã hội’ (‘Freedom, Individual and Society’) P.31 Logos, Vol. 26 No. I, 1987.

Khi hiểu được một cách đúng đắn về mối quan hệ giữa mình và tự nhiên, con người không nên hành động theo bất cứ cách nào có hại cho cả hệ thống. Thay vào đó, anh ta nên gìn giữ và giúp phát triển quá trình. Trong *Kutadanta Sutta* ²¹ vua Mahavijita giải thích cách làm thế nào để không gây hại cho bất cứ sinh linh nào, không bóc lột lao động, không giết hại dù là một động vật. Có thể nói rằng trong sự hiền tế của giới Bà la môn có thể hiện sự lãng phí về kinh tế, tàn ác đối với động vật, lao động cường bức và đối xử thô bạo với động vật ²²

Hình ảnh ví von ‘kẻ ham ăn trái sung’ (fig-fruit glutton) (*udumtarakhadika*) miêu tả một người đàn ông, vì muốn ăn trái sung đã làm cho rất nhiều trái rụng xuống và chỉ ăn một vài trái rồi bỏ đi phần còn lại. Kiểu lãng phí này bị Phật giáo chỉ trích gay gắt²³. Bởi *Vinaya Pitaka* nói rằng người ta tin rằng cây cối có sự sống, và do đó, chặt cây được coi là tội *pacittiya* đối với các tăng sĩ.²⁴Trong *Dhammapada* ²⁵ sử dụng từ ngữ ‘*vana*’ vừa có nghĩa sự nhớ bản vừa có nghĩa khu rừng, Đức Phật nói, cắt ‘*vana*’ (sự nhớ bản) nhưng không cắt ‘*rukka*’ (cây). Đức Phật có chủ ý khi sử dụng thể này để nhấn mạnh thực tế rằng cây cối nên được bảo vệ.²⁶ Trong những hoàn cảnh bình thường, một tăng sĩ sẽ mắc tội *dukkata* nếu tiểu tiện hay khạc nhổ ở một nơi có cỏ tươi.²⁷ *Vanaropa Sutta* cũng tập trung sự chú ý vào tầm quan trọng của việc bảo vệ, duy trì và phát triển. *Sutta* này nói rằng những người làm được như thế sẽ có cuộc sống sung túc trong kiếp này cũng như trong cuộc sống tiếp theo.²⁸ Nó hướng sự chú ý tới những khía cạnh như việc trồng cây, rừng, vườn cây ăn quả, xây dựng cầu và nhà cửa, cung cấp nước v.v.²⁹, tất cả những thứ hiện nay đang được thực hiện với tư cách là các dự án ở cấp quốc gia và thậm chí toàn cầu. Một chính sách rất toàn diện và có lợi cho môi

21. *Digha Nikāya*. I, 141.

22. Therevor Ling. *The Buddha Pelican Books*, P.84, 1976,

23. *Anguttara Nikāya*. IV 281.

24. *Vinaya Pitaka*, IV, 34.

25. *Dhammapada*. V.283.

26. Ven. Piyadassi. *Buddhadharmaya ha Pariscra samrakshanaya* (in Sinhala), P.20, Colombo, 1985.

27. *Vinaya Pitaka*. IV, 205.

28. *Samyutta Nikāya*. I. 33.

29. Ven. Bellanwila Wimalaratana. *Phật giáo, Xã hội và Môi trường (Buddhism, Society and Environment)*, P. 32, Colombo 1989.

trường xã hội được đưa ra trong *Sutta* này.³⁰ Những vấn đề môi trường đã không quá lan tràn trong thời kỳ của Đức Phật, do đó, điều này thể hiện tầm nhìn xa của hướng tiếp cận của Đức Phật đối với tính bền vững. Nạn phá rừng, ô nhiễm nước, thiếu hệ thống tưới tiêu phù hợp đang gây ra những vấn đề nghiêm trọng hiện nay. Việc đề cập tới những người xây cầu (*setukaraka*) thể hiện sự nhấn mạnh vào một hệ thống giao thông và liên lạc hiệu quả. Nhà ở trở thành một vấn đề rất nghiêm trọng, việc tuyên bố năm nhà ở quốc tế tự nó đã thể hiện mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Sự lo xa của Đức Phật về điều này được thấy trong *Kimdada Sutta*³¹ của *Samyutta Nikāya* trong đó miêu tả người cung cấp một căn nhà là người cung cấp tất cả. Sự căng thẳng và khó chịu gây ra bởi sự ô nhiễm của âm thanh cũng là nguyên nhân chính gây lo âu trong thế giới hiện nay, và Đức Phật đã tập trung sự chú ý vào khía cạnh này của sự ô nhiễm môi trường.³² Nhiều *Suttas* nói rõ rằng những người cùng thời của Đức Phật đã rất ngạc nhiên bởi sự bình thản của Đức Phật và các đệ tử của Ngài. *Samannaphala Sutta*³³ nói rằng Vua Ajatassattu đã hơi lo sợ về sự tạm trú chết người (dead sojourning) với một đoàn đệ tử đông đảo. Trên thực tế, ông nghi ngờ liệu chuyến viếng thăm Đức Phật được sắp xếp của ông có phải là một âm mưu để giao nộp ông cho kẻ thù. Khi lựa chọn nơi trú ngụ cho tăng sĩ, sự vắng vẻ và yên tĩnh cần được đặc biệt cân nhắc.³⁴ Đức Phật thường khuyên các tăng sĩ rằng họ nên hoặc là tham gia vào cuộc nói chuyện đúng đắn (ngay thẳng) hoặc là giữ sự im lặng vàng ngọc.³⁵ *Bhayabherava Sutta* chỉ ra rằng thậm chí một âm thanh nhỏ nhất có thể gây phiền toái cho một đầu óc không được kiểm soát.³⁶ Giáo sư Lily de Silva đã chứng minh một cách hùng hồn những hậu quả hỗn loạn của sự ô nhiễm âm thanh xảy ra hiện nay.³⁷ Đóng góp của sự phát triển bền vững đối với sự hưởng thụ nghệ thuật cũng được thảo luận trong văn học kinh điển. Cây thạch nam của thế giới bình thường (The ordinary world ling),

30. Ibid. P. 53.

31. *Samyutta Nikāya*. I 32.

32. Robert Arvi. *Con người và Môi trường (Man and Environment)*, P. 118, Penguin Books, 1978.

33. *Digha Nikāya*. I. 50.

34. *Vinaya Pitaka*. I, 39.

35. *Majjhima Nikāya*. P.II.

36. Ibid. I. 16.

37. Lily de Silva. *op. cit.* P.22.

vì anh ta đầy sự nhớ bản và bị choáng ngợp bởi khát vọng sở hữu, nên không thể thực sự thưởng thức vẻ đẹp của bụi cây trong rừng nơi những người bình thường chẳng thấy có gì thích thú.³⁸ *Mahaparinibbana Sutta*³⁹ có đề cập tới rất nhiều những lùm cây đẹp như thế. Những bài thơ của Kaludai mời Đức Phật đến thăm *Kapilavastu* chứng tỏ những vị thánh nhân đánh giá cao vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên như thế nào.⁴⁰

Khi xem xét đến sự phát triển nhanh của dân số, cuộc cách mạng công nghệ không ngừng nghỉ, và quá trình đô thị hóa, chúng ta sẽ thấy rõ rằng trách nhiệm tối cao hiện nay là phải xây dựng một chính sách bao trùm các lĩnh vực như sử dụng môi trường thích hợp, bảo tồn môi trường và ngăn chặn ô nhiễm. Sẽ là tai họa nếu chúng ta không có những bước đi nhằm đối phó với sự cạn kiệt một số nguồn tài nguyên có nguy cơ biến mất hoàn toàn. Những hoạt động tùy tiện của con người, vốn bị thôi thúc bởi những động cơ tạo ra lợi nhuận, cần phải được kiểm soát, không chỉ bởi vì những hoạt động này phá hủy tự nhiên mà còn bởi vì những hoạt động này cản trở sự phân phối bình đẳng những tài nguyên thiên nhiên này. Sự chú ý của nhà nước nên hướng tới những sinh vật sống, thực vật và cả khoáng chất và những nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Nhà nước nên xây dựng những quy tắc về việc sử dụng những nguồn tài nguyên này đồng thời ban hành những sắc lệnh (trừng phạt) đối với việc vi phạm như quy tắc này. Sự tiêu thụ quá mức giờ đây đã phát triển thành một vấn nạn ở cấp độ toàn cầu. Điều này có mối quan hệ mật thiết với những vấn đề khác như an ninh, đe dọa chiến tranh và sự ô nhiễm môi trường. Một đội ngũ những chuyên gia thế giới đã xuất bản vào năm 1987 một xuất bản phẩm tựa đề *Những giải pháp cho một Thế giới Bất an (Solutions for a Troubled World)* trong đó họ phân tích những vấn đề này và gợi ý những giải pháp. Người ta quan sát thấy rằng con người quen với việc dành sự ưu tiên tối cao cho việc lựa chọn loại hệ thống xã hội mà chúng ta muốn sống trong đó. Điều đó cần phải thay đổi. Vũ khí hạt nhân buộc chúng ta giờ đây phải dành sự ưu tiên tối cao cho một hệ thống an ninh thế giới, bởi vì nếu không có an ninh thì có thể sẽ không còn xã hội loài người để thừa hưởng một hệ thống xã hội tốt hơn. Một hệ thống sinh thái toàn cầu

38. *Dhammapada*. V.98.

39. *Digha Nikāya*. II, 72.

40. Klass Sandell. *Eco- crisis* P. 24

đang xuống cấp cũng buộc chúng ta hiện nay phải dành sự ưu tiên tương tự cho một môi trường sạch, bởi vì nếu không có một môi trường sạch, có thể sẽ không còn xã hội loài người để thừa hưởng một hệ thống xã hội tốt hơn.⁴¹ Người ta đã chỉ ra rằng người Mỹ trong một giai đoạn 40 năm đã tiêu thụ những gì mà toàn nhân loại đã tiêu thụ trong suốt một khoảng thời gian bốn nghìn năm.⁴² Có bằng chứng để chỉ ra rằng một người Mỹ trung bình tiêu thụ nhiều gấp bốn đến năm lần lượng tiêu thụ của một người trung bình ở các nước đang phát triển.⁴³ Người ta đã chỉ ra rằng “sự tiêu thụ quá mức đã gợi cảm hứng cho các chuyên gia tạo nên thuật ngữ phát triển quá mức (overdevelopment), để diễn tả mức độ tiêu thụ quá mức trong thế giới công nghiệp hóa tây phương.⁴⁴ Những chính sách của người ủng hộ thuyết hiện sinh và đế quốc (Existentialist and imperial policies), những cuộc chiến tranh bảo đảm (ensuring wars) và sự phổ biến vũ khí, sự khuất phục của những nước nghèo và chậm phát triển, việc họ rơi vào nợ nần phần lớn liên quan đến những chính sách có hại cho môi trường bị thúc đẩy bởi khát vọng của sự tiêu thụ quá mức. Padmasri de Silva⁴⁵ bình luận về những chính sách thiếu suy nghĩ này, nói rằng hướng tiếp cận bạo lực và hung hăng đối với thế giới tự nhiên được nuôi dưỡng bởi lòng tham của con người đối với sự thành công ngoạn mục ngắn hạn mà không quan tâm đến những tác động xấu dài hạn cho thế hệ sau”. Những giá trị của xã hội đã xuống cấp do sự theo đuổi tài sản của chủ nghĩa vật chất. Hướng tiếp cận ích kỷ đã làm cho xã hội loài người không quan tâm và quên đi đạo đức, lòng tốt và từ bi. Vấn đề lớn nhất mà loài người đã tự tạo cho mình là khoảng cách ngày càng tăng lên giữa kẻ giàu và người nghèo và một cấu trúc xã hội bất bình đẳng. Sự nghèo khổ, đói kém, suy dinh dưỡng, bệnh tật, mù chữ, thất nghiệp, sự phân biệt đối xử xã hội tiếp tục là những tai họa của thời đại chúng ta. Những thứ quan trọng nhất – ý nghĩa, mục đích, cộng đồng, tình yêu – có thể trở nên khó tìm kiếm hơn bao giờ hết. Để có được một cuộc sống hạnh phúc và thỏa

41. Jan Tinbergen. *Các giải pháp (Solutions)*. P. 59.

42. Vance Pakard. *Những người làm rác (The Waste Makers)* P.195 London, 1961.

43. Ahamad Abubakar, *Các giải pháp (solutions)*, P.193, 1967

44. Ibid, P.192.

45. Leif Sandholt, ‘Sự giàu có của phương tây và sự nghèo đói của thế giới thứ ba’ (‘Western Affluence and the Third World Poverty’), P. 94, in *People and Planet, Right Livelihood Award Speeches*, 1987,

mãn và duy trì sự bình đẳng về kinh tế - xã hội trong xã hội, điều quan trọng là phải quan tâm đến cả nhu cầu tinh thần và vật chất. Chỉ riêng sự phát triển tinh thần hoặc vật chất thì không đủ để có được một cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi một người chỉ tập trung vào những khía cạnh vật chất như đang xảy ra trong hệ thống tư bản chủ nghĩa hiện đại hiện nay thì những nhu cầu vật chất có thể tự nó trở thành một mục tiêu, dẫn đến những khát vọng, lòng tham và sự thèm muốn vô hạn. Kết quả của lối hành xử của chủ nghĩa vật chất sẽ dẫn đến xung đột, bất hòa, bất bình đẳng kinh tế và xã hội trong xã hội. Những bất bình đẳng này càng làm trầm trọng thêm những đau khổ trong thế giới hiện đại hiện nay. Thế giới đang trải qua thời kỳ khó khăn mặc dù có sự tiến bộ về khoa học và công nghệ. Mục tiêu của nền văn minh công bằng và hòa bình tiếp tục khó nắm bắt và thuốc chữa bách bệnh do con người tạo ra đã không thể đem lại hòa bình, hạnh phúc và sự hài hòa trong xã hội. Giải pháp cho sự đau khổ này nằm ở việc thực hành tâm linh. Con đường trung đạo của Phật giáo cân bằng đời sống tâm linh và chủ nghĩa vật chất để có thể có được cuộc sống hạnh phúc dựa trên nguyên tắc của sự chia sẻ và quan tâm. Những phẩm chất, giới luật và nguyên tắc của Phật giáo nhấn mạnh vào việc thiết lập hòa bình và hòa hợp thông qua sự phát triển kinh tế - xã hội và tâm linh trong xã hội. Đạo đức điều chỉnh hành vi, thúc đẩy thiền định và do đó phát triển trí tuệ. Đạo đức có xu hướng giúp con người hướng thiện, điều mà tất cả mọi người đều có thể áp dụng được, bất kể họ thuộc tín ngưỡng, màu da, chủng tộc hay giới tính nào. Trái đất có thể biến thành thiên đường, nơi tất cả mọi người có thể sống trong hòa bình và sự hòa hợp hoàn hảo như là những công dân lý tưởng của một thế giới. Bốn chân giá trị của Phật giáo (Tứ vô lượng tâm) (The Buddhists four sterling virtues) là những hòn đá tảng của sự phát triển tâm linh và kinh tế - xã hội, đó là - *Metta, Karuna, Mudita, Upekkha*, được gộp lại trong thuật ngữ *Brahma-viharas* là phương tiện để phát triển tình bằng hữu, mối quan hệ hòa hợp, loại bỏ bất hòa, thiết lập hòa bình trong chính bản thân chúng ta. Việc thực hành *pancasila* theo chủ trương của Đức Phật - (i) Không giết và làm hại bất cứ sinh vật nào - *sila* thứ nhất nói về việc bảo vệ mọi người cũng như động vật. Nó có nghĩa là sự kiềm chế không phá hủy sự sống. Chúng ta không nên giết bất kỳ sinh vật sống nào. Đức Phật dạy chúng ta không bao giờ được tàn phá hay ghét bỏ bất cứ sinh vật nào. Chúng ta nên

phát triển lòng tốt và tình yêu đối với mọi chúng sinh. (ii) Không trộm cắp hay nhận lấy cái gì không được trao cho mình — điều đó có nghĩa là việc chấp nhận bất cứ cái gì không được cung cấp bởi bất kỳ ai là trộm cắp. Đức Phật nói rằng một đệ tử biết *Dhamma* nên kiềm chế không trộm cắp bất cứ cái gì ở bất cứ nơi đâu, không nên khiến cho ai khác phải lấy trộm bất cứ cái gì, và không nên tán thành những hành động trộm cắp, nên tránh mọi loại trộm cắp. (iii) Không có bất cứ hành động tà dâm nào, kể cả bởi thân, khẩu và ý — Điều thứ ba dạy ta kiềm chế không phạm phải sự thiếu đạo đức về tình dục. Sự kích động bạo lực nhất trên thế giới là tình dục. Do đó, con người nên luôn luôn tránh xa tình dục. (iv) Không nói chuyện phiếm hay nói dối — Đức Phật dạy ta không nói dối thông qua *sila* thứ tư. Mọi người nên tránh mọi loại nói dối. *Suttanipata* nói rằng khi một người đến một hội nghị hay một cuộc họp, anh ta không nên nói dối với bất kỳ ai, hay khiến cho bất kỳ ai phải nói dối, hay tán thành những hành động dối trá; anh ta nên tránh mọi loại dối trá. Loài người nên tránh xa sự dối trá. Anh ta không nên từ bỏ sự thật trong bất cứ tình huống nào. (v) Tránh các đồ uống kích thích và ma túy— Đức Phật đã dạy tất cả mọi người tránh xa mọi loại đồ uống có cồn và chất gây nghiện thông qua điều cuối cùng. Một người quản gia tốt quan tâm đến đức hạnh thì không nên dùng bất kỳ chất gây nghiện nào. Những người uống rượu thì không nên ủng hộ. Rượu khiến cho một người trở nên điên cuồng. Người vô minh có những hành động tàn ác vì uống rượu. Bạn nên tránh xa nó. Nó tạo ra tội ác. Nó tạo ra sự điên cuồng và nó là nơi cư ngụ của sự vô minh. Việc say rượu phá hủy thanh danh của con người trong xã hội. Điều này dẫn đến xung đột và bệnh tật. Cá nhân không quan tâm đến trang phục. Con người không quan tâm đến tính tự trọng và mất khả năng học hỏi. Có thể kết luận rằng những *pancasila* mà Đức Phật đưa ra mang tính xã hội mạnh mẽ và có lợi cho con người. Các xã hội chấp nhận mọi lý thuyết theo thời gian và quốc gia. Chính nhờ ảnh hưởng của Phật giáo mà xã hội không tôn trọng bất cứ sự bạo lực, trộm cắp, nói dối và lăng nhăng trong kỷ nguyên hiện đại của thế kỷ 21. Khi *pancasila* trở thành một phần của đời sống con người thì chúng (*Pancasila*) sẽ có tác dụng. Trong suốt khoảng bốn thập niên qua, mối quan hệ qua lại giữa các dân tộc tăng nhanh chưa từng có, và kết quả là nảy sinh nhiều vấn đề mới khiến cho việc thiết lập tổ chức quốc tế để giải quyết chúng trở nên cần thiết. Hiện

nay, thế giới đã đến một giai đoạn mà luật lệ, quy tắc và những quyết định được đưa ra ở một quốc gia cụ thể có những tác động vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Sự ô nhiễm môi trường, một trong những vấn đề tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế, và “mưa axit” gây ra nhiều mối lo, vì những tác động của nó vượt xa khỏi biên giới quốc gia của đất nước tạo nên nó. Tương tự đối với tác động của nạn phá rừng. Chính vì những vấn đề tai họa như thế mà có thể cần phải có một kiểu quản lý nhân văn hơn, hoạt động ở cấp quốc tế. Thậm chí những nước phát triển giờ đây buộc phải lệ thuộc vào các nước khác vì sự khan hiếm hoặc vì sự cạn kiệt nhanh chóng của tài nguyên thiên nhiên và thị trường cho sản phẩm của họ. Tình trạng này gây ra nhiều vấn đề liên quan đến nhau trong lĩnh vực kinh tế và quốc phòng. Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (The world Commission on Environment and Development) đã lưu ý nhiều ví dụ về sự phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia. Tất cả những nhân tố này gợi ý một kết luận rằng giờ đây thế giới đã trở nên quá nhỏ bé đến nỗi hầu hết những vấn đề mà con người phải đối mặt hiện nay cần phải được giải quyết theo một kế hoạch được đưa ra bởi sự đồng thuận chung. Và hơn nữa, rằng những vấn đề này nên được giải quyết bằng sự hiểu biết thích đáng về giới hạn, bởi vì nếu không thì bản thân sự tồn tại của con người cũng bị đe dọa. Do đó, việc nắm bắt thấu đáo học thuyết duyên khởi *patīccasamuppāda* trong *Nikāyas* trở nên rất cần thiết, để thông qua đó có thể thấy mối quan hệ qua lại giữa nhiều vấn đề khác nhau mà con người phải đối mặt và sau đó cố gắng giải quyết chúng, hoàn toàn nhận thức được (being fully mindful) nguyên lý về ý thức của giới hạn. Cách duy nhất để thành công trong nỗ lực này là khai thác và nuôi dưỡng trí óc với những phẩm chất như sự thân thiện, từ bi, hào phóng, bình đẳng, v.v. Cho dù bạn gọi nó là con đường Phật giáo hay không thì đây là cách duy nhất bởi điều thực sự quan trọng không phải là tên gọi, mà là cách ấy hiệu quả như thế nào. Người ta nói rằng chân lý chỉ có một và không có hai. Con người có khả năng nhìn thấy nó và giải quyết vấn đề của mình thông qua nó. Nếu con người từ bỏ sự lệ thuộc vào những quyền năng bên ngoài, hiểu được bản chất phụ thuộc lẫn nhau của mọi thứ, có một thái độ nhân văn đối với toàn nhân loại, có kiến thức đúng đắn về “giới hạn”, và kiên trì nỗ lực hết mình để giải quyết những vấn đề anh ta gặp phải, thì đây chính là triết lý kinh tế Phật giáo được thể hiện trong kinh sách.

Có thể kết luận rằng (i) Sự hiểu biết thấu đáo có thể được phát triển với sự giúp đỡ của Phật giáo để khai thác nguồn tài nguyên sẵn có và bảo vệ nó cho thế hệ tương lai. Tầm nhìn này sẽ dựa trên những nguyên tắc được đề xuất bởi Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hiệp quốc (United Nations Social and Economic Council.) (ii) con người không nên sợ tự nhiên, mà nên hiểu nó và cùng tồn tại với nó., (iii) thông qua sự hiểu biết này anh ta nên tận dụng tự nhiên một cách tốt nhất, thậm chí thay đổi và thích nghi với nó khi cần thiết. (iv) sự thay đổi và thích nghi này không nên có hại cho môi trường, (v) thay vào đó nên phát triển và nuôi dưỡng tự nhiên (vi) con người nên, thông qua việc sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên này, sản xuất ra đồ đạc (vii) trong khi bảo tồn thiên nhiên, con người nên trân trọng nó, (viii) con người không bao giờ nên xem mình là ưu việt hơn tự nhiên, mà thay vào đó nên xem mình là một phần của tự nhiên, (ix) con người nên cho rằng việc phá hủy tự nhiên sẽ dẫn đến sự phá hủy của bản thân anh ta và (x) con người nên phát triển tính cách của mình theo cách mà anh ta có thể yêu mến nó. Người ta thấy rằng hiện nay, khái niệm phát triển đã trở nên nổi trội và có nhiều sự giải thích khác nhau về nó. Những vấn đề quan trọng và liên quan đương đại đang được đưa ra ánh sáng trong các diễn đàn quốc tế, và một vài trong số những vấn đề này liên quan đến sự phát triển công nghệ, những vấn đề môi trường, chiến tranh hạt nhân và khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Còn có nhiều vấn đề khác như sự bùng nổ dân số, quan điểm của nhân dân về hình thức chính phủ phù hợp nhất, sự biểu lộ của công chúng và sự tự do liên lạc và v.v., những vấn đề tối quan trọng đối với thế giới hiện nay. Sự giới hạn của tài nguyên thiên nhiên, những mục tiêu phát triển, và việc sử dụng công nghệ đã khiến cho thế giới hiểu được tầm quan trọng của “nhận thức về giới hạn” đối với mọi hình thức của sự tiêu thụ. Hiện nay đã có nỗ lực để nhìn nhận mọi mối quan hệ qua lại đối với mọi vấn đề; và điều này tự nó đã làm sáng tỏ thực tế vấn đề tồn tại của nhân loại.